

## **ĐỌC “TRƯỜNG HẬN CA” của Bạch Cư Dị**

và một số bài thơ dịch hoặc lấy cảm hứng từ

mối tình hận của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi

### **ĐIỂN CỔ VỀ CHUYỆN TÌNH CỦA DƯƠNG QUÝ PHI VÀ ĐƯỜNG MINH HOÀNG**

Bài thơ “ Trường Hận Ca” viết dựa trên câu chuyện tình của Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng cho nên để tìm hiểu về bài thơ này ta tưởng nên ôn qua điển cổ về chuyện này.

Theo “ *Trung quốc lịch triều sự điển*”, Dương Quý Phi ( 719-756) sinh tại tỉnh Tứ Xuyên, trước là đất Thục, tên thật là Dương Ngọc Hoàn, là con út trong số bốn người con gái của một viên quan tên Dương Huyền Diễn, được mệnh danh là Tu Hoa, là một trong tứ đại mỹ nhân Trung quốc. Xuất thân trong một gia đình quan lại, khá giả từ nhỏ Ngọc Hoàn đã được học đủ các món nữ công nhất là ca vũ tới mức thuần thạo. Năm 14 tuổi Ngọc Hoàn được Võ Huệ Phi, một phi tần đang được Đường Minh Hoàng sủng ái, chọn làm vợ Thọ Vương Lý Mạo là hoàng tử thứ 18. Tuy là vợ chồng nhưng hai người đều còn nhỏ tuổi nên có sách nói hai người chưa hề có chuyện chăn gối (?). Võ Huệ Phi chết vì bệnh ít lâu sau khiến nhà vua vô cùng buồn bã, ngày đêm tưởng nhớ không ai an ủi được dù bên cạnh có cả gần ba ngàn cung tần mỹ nữ. Đường Minh Hoàng cho lập đài Tập Linh để cầu siêu cho linh hồn người yêu sớm siêu thoát. Một hôm Cao Lực Sĩ có việc tới phủ Thọ Vương thấy Thọ Vương phi nhan sắc hoa nhường, lại giỏi ca vũ, nghĩ rằng nàng có thể thay thế Huệ Phi nên mật tấu với nhà vua và hai người bàn kế triệu Ngọc Hoàn trông coi Tập Linh Đài với đạo hiệu Thái Chân, đồng thời lại chọn con gái của Vi Chiêu Huấn, cũng là cháu Huệ Phi gả cho Thọ Vương dù vương và Ngọc Hoàn đã xe duyên với nhau được ba năm. Sách khác lại nói thật ra trước đó quân vương đã nhìn thấy dung nhan Ngọc Hoàn trong một lần tại suối nước nóng *Ôn Tuyền* và đã mê mẩn ngay nhưng lúc đó còn Huệ Phi và Ngọc Hoàn là con dâu nên chỉ ao ước thầm kín trong lòng thôi. Suối *Ôn Tuyền*, nhiệt độ trung bình 43 độ C, được vua Đường Thái Tông xây thành cung trên núi Ly Sơn từ năm 644 đặt tên là *Ôn Tuyền cung*, tới năm 747 thì được vua Huyền Tông tu sửa lại và đổi tên là *Hoa Thanh Cung*. Đường Minh Hoàng nhất là Dương Quý Phi rất thích lên đây tắm vì vừa là cảnh đẹp tự nhiên vừa tin là tắm tại đây sẽ được trường thọ. Cuộc làm đường lên suối làm hao hụt hàng vạn tiền kho và làm chết hàng trăm mạng người, mỗi lần đi tắm lại tốn kém thêm nhưng nhà vua cấm không được ghi chép vào sử sách. Trên một vách đá người ta thấy một hàng chữ “ *Dương Quý Phi toàn dục diễm tích* ” nghĩa là “ Dấu tích diễm lệ khi Dương Quý Phi tắm suối” và tiếp đó là khoảng mười bức vẽ có ghi ngày 25.5.752 vẽ từ lúc phi cởi áo, ngồi trên phiến đá, tung nước, lộ suối dáng tha thướt yêu kiều, da trắng nõn nà như tuyết, mắt nhìn lên nhà vua đang ngồi tựa mình vào vách đá nhìn mỹ nhân cười tình.

Sau một giai đoạn che mắt thiên hạ, Đường Minh Hoàng cho Ngọc Hoàn nhập cung và năm 745 lập làm quý phi, đồng thời ban thưởng ân trạch cho cả nhà nàng, Dương Huyền Diễn được thụ

phong Binh bộ thượng thư, ba chị được phong Hàn quốc, Quốc quốc, Tần quốc phu nhân với nhiều bổng lộc, anh trai là Dương Xuyên làm tể tướng và đổi tên ra Dương Quốc Trung.

Dương Quý Phi đã là trang tuyệt thế giai nhân lại thêm tài ca vũ nhất là giỏi âm luật, thạo ngón tỳ bà, biết đặt ra nhiều điệu múa, ca khúc nên nhà vua vô cùng say đắm, thường bỏ triều chính và giao toàn quyền cho tể tướng Lý Lâm Phủ. Lý Lâm Phủ bản chất là một gian thần, tìm cách hãm hại các trung thần tài giỏi khiến cho triều chính ngày một suy yếu, dân tình ca thán, sau này là nguyên nhân chính cho biến cố An Lộc Sơn và đại nạn cho nhà Đường. Quý Phi nổi tiếng nhất với điệu múa Hồ Hoàn Vũ, nguyên là của người Hồ rồi được nàng phóng tác cho thêm phần dịu dàng, tuyệt mỹ khiến nhà vua nghe xem không bao giờ chán mắt. Lúc đó tướng An Lộc Sơn đang trấn giữ ngoài biên ải, rất được lòng quân vương nên có dịp về kinh đô nhiều lần và quen biết thân thiết với Quý Phi do đó có sách viết là hai người tư tình với nhau và sau này khi An Lộc Sơn làm phản cũng vì một phần muốn chiếm đoạt tu hoa mỹ nhân (người đẹp hoa nhường). Dương Quý Phi còn nhờ An Lộc Sơn kiếm một loại linh đan là *Trợ Tình Hoa* để giúp quân vương tăng cường sinh lực trong việc ân ái và để bị mê hoặc hơn nữa.

Được nhà vua quá nuông chiều, nhiều lần Quý Phi tỏ ra bướng bỉnh và làm nhiều điều trái ý quân vương, lại hay ghen tức với các phi tần khác khiến có lần nhà vua tức giận đuổi nàng về nhà năm 750 nhưng càng xa lại càng thương nhớ nhiều hơn nên lại sai Cao Lực Sĩ tới thăm hỏi. Dương Quý Phi tinh ý, hiểu rõ lòng quân vương, cắt mái tóc mây nhờ Cao Lực Sĩ đem về dâng vua xin tạ tội, quả nhiên nhà vua chỉ đợi dịp này lập tức cho nàng hồi cung và từ đó lại càng chiều chuộng và say đắm hơn xưa.

Dương Quý Phi rất thích xem đua ngựa và chọi gà nên vua cho lập các trường đua, chọn những tay chơi nổi tiếng hàng năm mở hội, ai thắng cuộc nhờ tài mấy con ngựa và chọi gà có thể được cất nhắc lên tước công khanh. Trường đua ngựa thì làm trên sườn núi khiến nhiều kỵ mã vì quá ham chức tước nên cả người lẫn ngựa nhiều khi cùng chết vì lao xuống vực sâu. Quý Phi lại thích ăn trái vải trồng tại Tứ Xuyên, tới mùa vải vua lại cho các kỵ sĩ phi ngựa suốt ngày đêm lấy vải tươi về cho nàng thưởng thức. Câu chuyện mê chọi gà và tham ăn vải này cũng được lưu truyền trong hai bài đồng dao và thơ:

#### **Thần kê đồng dao**

Sinh nhi bất dụng thức văn tự

Đấu kê tẩu mã thắng độc thư

Giả gia tiểu nhi niên thập tam

Phú quý vinh hoa đại bất như

Năng linh kim cự kỳ thắng phụ

Bạch la tú xam tùy chuyển dư

#### **Đồng dao Gà thần**

*BS Nguyễn Dương Tịnh dịch*

Bé chẳng cần gì học văn chương

Trọi gà đua ngựa sách không màng

Mười ba tuổi oắt con nhà Giả

Giàu có cao sang kẻ nào bằng

Vàng tháp cựa gà tranh tất thắng

Hầu vua xe mũ áo nghênh ngang

Phụ tử Trường An thiên lý ngoại      Trường An vệ sĩ cha già chết  
Sai phu trì đạo văn tang xa      Bắt bọn phu hầu đẩy xe tang.

(Đường Huyền tông nuôi 500 trẻ nuôi gà để đem đi chọi, trong nhóm có Giả xương 13 tuổi rất thạo nghề được ban tước và nhiều bổng lộc tốt cao sang, bố là Giả Trung làm vệ sĩ hộ giá đi đâu bị chết)

Đỗ Mục cảm khái, viết tới bốn bài *Qua cung Hoa Thanh*, đây là bài I nói về chuyện Dương Quý Phi đòi ăn vải Tứ Xuyên còn tươi, kỵ mã phải phóng ngựa ngày đêm đi xa tới cả ngàn dặm:

<b>Quá Hoa Thanh Cung I</b>	<i>Tương Như dịch</i>
Trường An hồi vọng tú thành đòi	Ngoảnh lại Trường An tựa gấm thêu
Sơn đỉnh thiên môn thứ đệ khai	Đầu non nghìn cửa mở liền nhau
Nhất kỵ hồng trần phi tử tiếu	Bụi hồng ngựa ruổi phi cười nụ
Vô nhân trí thị lệ chi lai	Vải tiên mang về ai biết đâu?

Dương Quốc Trung có ý định mưu phản nhà Đường vì lúc đó hầu như đang nắm trọn binh lực và quyền bính nhưng còn vương An Lộc Sơn nên mưu mô tìm cách thanh toán y song An Lộc Sơn biết trước nên bỏ trốn rồi sau đó vào cuối năm 755 cử binh từ Ngự Dương đánh thẳng vào kinh đô Trường An, lấy danh nghĩa “*Phụng mật chiếu hoàng đế thảo phạt gian thần Dương Quốc Trung...*” Vào mùa hạ 756 quân của An Lộc Sơn tiến về Trường An và trước tình thế nguy cấp, quan quân thỉnh cầu thái tử Lý Hành tự lên ngôi tại núi Linh Vũ tức Đường Túc Tông và tôn Đường Huyền Tông lên làm Thái Thượng Hoàng trong khi Huyền tông cùng Dương Quý Phi và các triều thần văn võ phải bỏ Trường An tháo chạy vào đất Thục, tuy nhiên khi xa giá tới Mã Ngôi ngày 14 tháng 7 năm 756 thì quân sĩ cầm đầu bởi tướng Trần Huyền Lễ nổi loạn giết Dương Quốc Trung và cả nhà, sau đó đòi giết luôn Dương Quý Phi thì mới chịu tiếp tục hành quân vì cho rằng họ Dương là đầu mối của cuộc nổi loạn. Quan quân tâu lên, “*Quốc Trung mưu phản, bệ hạ không nên để Dương Quý Phi bên cạnh nữa, xin bệ hạ vì quốc pháp mà cắt bỏ tình riêng.*” Nên nhớ Đường Minh Hoàng, tuy có trong cung gần ba ngàn phi tần lẫn cung nữ, sinh cả thấy 59 người con gồm 30 trai và 29 gái nhưng nhà vua luôn luôn tuyên bố, “*Trẫm có Dương Quý Phi như trời cho một viên ngọc quý*”.

Huyền Tông do dự. Các đại thần Triệu Tư Lực, Vi Ngạc đều khuyên nhà vua “*gặp thời thế, thế thời phải thế*”. Vua quay bảo Cao Lực Sĩ, “*Quý Phi ở trong thâm cung, làm sao biết được Dương Quốc Trung có ý định phản?*” Cao Lực Sĩ tâu, “*Quý phi quả thật vô tội nhưng nay tướng sĩ đã giết Quốc Trung rồi mà để Quý Phi bên cạnh bệ hạ, tướng sĩ đâu có yên tâm? Xin bệ hạ xét lại.*

*Nếu tướng sĩ yên tâm tức bệ hạ được bình an”.*

Dương Quý Phi được tỳ nữ trình báo sự việc, thấy nhà vua còn do dự bèn quỳ xuống, gạt nước mắt tâu, “*Tình thế quá nguy cấp rồi, xin bệ hạ cứ cho thần thiếp được chết để về Thục khôi phục*

*lại cơ nghiệp. Thiếp đầu có chết khi đó cũng như còn sống vậy”* Hai người ôm nhau cùng khóc, không muốn rời nhưng bên ngoài quân lính đã vang tiếng hô “*Thánh thượng vạn tuế*” tỏ ý thúc dục.

Ngày 15 tháng 7 Đường Minh Hoàng thấy mọi người đồng thanh đòi mạng Dương Quý Phi, khi đó mới 37 tuổi, không còn cách nào, đành lòng ban cho người yêu một dải lụa trắng và giao cho Cao Lực Sĩ đi thắt cổ phi trên một cành lê sau khi cho nàng tọng niệm tại một ngôi chùa gần đó. Quân vương tan nát cõi lòng, không dám chứng kiến cái chết của quý phi, còn binh sĩ mãi đi hành chỉ vùi xác nàng ven đường dưới gò Mã Ngôi rồi vội vã bỏ đi. Khi xa giá tới Thành Đô thì quanh nhà vua chỉ còn khoảng 1300 quan quân và 24 cung nữ.

Tới năm 757, sau khi Đường Túc Tông dẹp loạn xong và cho đón Thái Thượng Hoàng hồi kinh, khi trở về qua Mã Ngôi Đường Minh Hoàng cho lệnh cải táng để xây mộ cho quý phi thì không thể tìm ra mình ngọc nữa, bèn cho làm một ngôi mộ khác và lập bia ghi tên họ nàng. Người đời sau gọi đó là *mộ gió*, hiện thuộc tỉnh Thiểm tây, cách Trường An tức Tây An bây giờ khoảng 60 dặm. Hiện nay mộ gió được trùng tu, xây cất đại quy mô, có cả tượng Dương Quý Phi và trở thành một địa điểm du lịch rất hấp dẫn. Có sách viết là khi đào chỗ chôn nàng thì chỉ thấy một cái túi đựng hương liệu mà sinh tiền phi luôn luôn đeo trước ngực để giữ cho toàn thân thơm tho nên nhà vua đem về lưu niệm và luôn luôn để cạnh mình trong những ngày còn lại (685-762). Tương truyền tình cảm nồng nàn nhà vua dành cho người yêu cuối cùng cũng được an ủi là trong một giấc mơ, ông đã được lên cung Quế gặp lại người xưa (*Đường Minh Hoàng du nguyệt điện*). Bạch Cư Dị thì cho hai người gặp lại nhau trong một cuộc cầu cơ gọi hồn Dương Quý Phi lên gặp lại nhà vua. Sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi đó trong mơ hay trong cầu cơ, nhà vua lại càng thương nhớ và buồn bã hơn trước, biếng ăn, chỉ ăn chay, mất ngủ và suy nhược dần, nhất là bị trầm cảm sau khi Cao Lực Sĩ bị đi đày và công chúa Lý Tri Doanh vẫn ở bên hầu hạ ông cũng bị cưỡng ép vào chùa làm đạo sĩ do áp lực của Trương Hoàng Hậu và hoạn quan Lý Phụ Quốc. Đường Túc Tông bất mãn vì cách đối xử của hoàng hậu và thái giám nhưng cũng chịu bất lực.

Trong *Trường Hận Ca*, Bạch Cư Dị tả cái chết của Dương Quý Phi theo một sách khác viết là nàng bị cho ngựa xéo chết hoặc xé chết chứ không được chết toàn thân như thắt cổ – tội nhân bị trói tứ chi vào bốn con ngựa chạy tứ phía hay bị một đàn ngựa phi chà đạp lên – và như vậy thì lại càng thương tâm hơn vì cảnh ngọc nát vàng tan. Phần dân gian, có lẽ không muốn cho nàng chết thê thảm như vậy thì lan truyền rằng người chết chỉ là một tỳ nữ chết thế cho nàng còn nàng được một hiệp sĩ cứu sống đem lên núi ẩn cư, riêng một số tác giả người Nhật thì lại viết nàng được một võ sĩ liều chết cứu tử và sau đó đem nàng sang ẩn trốn tại Nhật, tới 60 tuổi nàng mới mất và được chôn tại tháp Ngũ Luân, quận Đại tẩu thuộc huyện Sơn Khẩu và tại đây trong Nhị Tôn Viện còn có thờ hai pho tượng Phật Thích Ca và Quan Thế Âm mà Huyền Tông đã tặng cho Quý Phi. Sau khi tới Nhật, Ngọc Hoàn được thiên hoàng là Hiếu Khiêm tiếp đãi long trọng và có lần nàng góp ý kiến giúp nhà vua giải quyết được một chính biến trong cung đình nên nàng rất được dân Nhật nhất là giới phụ nữ thương mến. Mới đây một diễn viên truyền hình Nhật bản nổi tiếng là Yamaguchi Momoe vào năm 2002 trong một cuộc phỏng vấn

lại tuyên bố mình là hậu duệ của Dương Ngọc Hoàn. Cũng theo sách viết tại Nhật thì Dương Quý Phi đã được chính tướng Trần Huyền Lễ và Cao Lực Sĩ với sự a tòng của nhạc sư Mã Tiên Kỳ và vũ nữ Tạ A Loan dùng kế ve sầu thoát xác, cho một thị nữ thế vào, sau đó Dương Quý Phi được một người Nhật trong sứ đoàn là Đằng Nguyên Chế Hùng đem sang Nhật.

Tuy nhiên sự tích cho nàng bị Cao Lực Sĩ thất cổ có lẽ là đúng hơn cả vì sau đó những người đòi mạng nàng đều có hậu vận bi đát, tướng Trần Huyền Lễ bị bãi chức sau khi loạn quân bị dẹp và chết trong nghèo khổ, Cao Lực Sĩ cũng bị đi đày tại Vu Châu, đất Thục. Về thân thế của Cao Lực Sĩ thì vì bố bị tội nên cả nhà bị sung làm nô tỳ còn Cao Lực Sĩ bị sung làm hoạn quan năm 16 tuổi. Cao Lực Sĩ tên thật là Phùng Nguyên Nhất, sau lấy họ theo cha nuôi, cao tới gần 2m nên mọi người gọi ông là Cao Lực Sĩ. Ông có công phò tá hoàng tử Lý Long Cơ, tức Đường Minh Hoàng giúp cha là Đường Huệ Tông hồi phục nhà Đường từ dòng họ Võ, sau còn giúp hoàng tử diệt trừ phe Thái Bình Công chúa nên được nhà vua hết lòng tin cẩn. Các việc triều chính thường lệ đều được nhà vua giao cho Cao Lực Sĩ quyết định ngoại trừ những việc lớn do đó các quan trong triều, các hoàng tử công chúa đều kính nể ông, gọi ông là A ông, vua thì gọi ông là Tướng quân, ngay cả thái tử Lý Hanh, do ông khuyên vua lập cũng gọi ông là nhị huynh. Chính ông từng can ngăn nhà vua đừng giao hết quyền hành cho Lý Lâm Phủ và Dương Quốc Trung nhưng không được nghe theo. Khi chạy giặc An Lộc Sơn về ông vẫn một lòng hầu hạ Thái Thượng Hoàng khi cả hai người đều trên 70 tuổi. Sau vua Đường Túc Tông nghe lời dèm pha của hoạn quan Lý Phụ Quốc, đày ông đi Vu Châu tới năm 762 ông được ân xá và trên đường về nghe tin cả hai vua Huyền Tông (78 tuổi) lẫn Túc Tông đều vừa băng hà, ông quay về hướng kinh đô khóc tới trào máu mà chết lúc 79 tuổi. Các sử gia khen ông rất mực trung thành với Đường Huyền Tông và Túc Tông, tuy nhiên ông mở đầu cho việc hoạn quan công khai xen lẫn vào việc triều chính từ đó, mặc dầu phần tham chính của ông có kết quả tích cực hơn là tiêu cực.

### **THƠ LẤY CẢM HỨNG TỪ MỐI TÌNH HẬN CỦA ĐƯỜNG MINH HOÀNG VÀ DƯƠNG QUÝ PHI**

Cái chết bi thảm của mỹ nhân và mối thâm tình của đấng quân vương đã khiến các văn nhân đương thời cảm khái và sáng tác nhiều áng văn chương ai oán, đặc biệt là tam đại thi hào nhà Đường là Lý Bạch, Đỗ Phủ và Bạch Cư Dị, tác giả của bài Trường Hận Ca.

Trước hết xin nói về **Lý Bạch** (701-762), lớn tuổi hơn cả. Lý Bạch văn võ toàn tài, từng hai lần lai kinh để toan lập sự nghiệp. Thời ấy, Trường An đã có 120 phường, phố xá dọc ngang như một bàn cờ, nhà mái cong với hình nghệ, hồ san sát, xe ngựa và giai nhân dập dìu còn Lý Bạch lúc đó tuổi tam thập nhi lập, tài vung bút, múa kiếm đã vang lừng khắp nước, lòng đầy tin tưởng sẽ được lọt mắt xanh của đấng quân vương và trọng dụng, nên khi từ biệt vợ con đã viết:

Ra cửa vợ con níu áo ta

Hỏi ta vào điện, lúc nào ra?

Lúc ra ấn vàng chói đầy ngực

Chẳng giống Tô Tần, vợ lánh xa.

Sự thực, Lý Bạch lần đầu tới và lưu tại Trường An khoảng một năm không được nhà vua tiếp kiến, thất chí lại bỏ đi ngao du, tiếp tục múa kiếm, vung bút, trèo lên hơn chục ngọn núi lớn, có khi vào chùa ẩn cư, có khi đi tìm gặp các nhà thơ đương thời bàn luận về thơ văn lẫn chính sự, kéo dài cuộc sống du tử tới mười năm chẳng vớ vương vớ thê noa. Cuối cùng ông cũng gặp được người tri kỷ là Ngô Quân, người rất thán phục tài thơ Lý Bạch mà theo ông mỗi lần Lý Bạch hạ bút thì quả là gió mưa, sấm chớp chuyển dịch làm kinh động cả đất trời và những vần thơ của ông có sức đánh thức dậy muôn loài, vạn vật dù muốn ngủ giấc ngàn năm. Ngô Quân viết tấu nghị dâng vua, “ *Đây là con người danh lừng vũ trụ, thông suốt cổ kim, văn võ toàn tài, lý tình sắc bén và sâu xa. Nhà vua được người này khác chi được Trương Tử Phòng*”.

Sau khi tiếp kiến Lý Bạch, Đường Minh Hoàng mở yến thiết đãi quần thần nhân dịp mời được hiền tài Lý Bạch. Dương Quý Phi cũng rất vui vì đang ao ước được nghe những bài thơ trác tuyệt, Cao Lực Sĩ cũng chẳng kém hân hoan vì nghĩ rằng Lý Bạch tới triều để giúp cho giáo phường tức ban nhạc soạn những bài ca tân kỳ trong khi Lý Bạch mơ tưởng sẽ đem tài mình để an dân, bình thiên hạ. Tuy nhiên sau đó nhà vua bổ sung Lý Bạch vào Hàn Lâm Viện để giúp triều đình liên lạc giấy tờ với các nước phía Bắc như Thổ phồn, Đột quyết, Khiết Đan, Hồ, Phiên vv khiến Lý Bạch tuy thất vọng nhưng vẫn chưa nản trí mặc dầu trong khi đó gã Giả Xương, 13 tuổi, nổi tiếng “ *Đấu kê đệ nhất thủ*” thì được phong tước công khanh.

Một hôm nhà vua đang xem hát với quần thần, nghe tài thơ Lý Bạch bèn cho triệu tới, bảo, “ *Lý Hàn lâm, xin ngài trở tài thi tiên, xướng cho trẫm mấy điệu, cả giáo phường đang chờ đợi*. Lý Bạch đang say, khề khà cất ngay giọng ngâm bài Tương Tiến Tửu mở đầu bằng hai câu “ *Nhân sinh đắc ý tu tận hoan/ Mạc để kim tôn không đối nguyệt...*”

Lý Bạch coi thường mọi quan lại kể cả An Lộc Sơn, có lần đứng nghênh ngang chặn cỗ xe tám ngựa của y nên Có lần Sơn tâu với vua rằng nếu cứ để Lý Bạch tác oai tác quái trong cung tất có ngày sẽ bị hấn sỉ nhục.

Lại có lần sau khi dự tiệc, túy lúy say Lý Bạch nằm dài kêu, “ *Cao Tể tướng! Cao Tể tướng!* “ Cao Lực Sĩ vội chạy lại thì Lý Bạch lại quát tiếp, “ *Thoát hài! Thoát hài!* “ Cao Lực Sĩ nhìn trước sau thấy không có ai đành miễn cưỡng cởi giày cho Lý Bạch và câu chuyện này sau đó được lan truyền khắp triều khiến Cao Lực Sĩ hận vô cùng, tìm dịp trả oán.

Lần khác trong dịp nhà vua mở tiệc mừng đại thọ có ca vũ tương bưng, Huyền tôn bảo, “ *Xin Lý Hàn Lâm múa bút cho một bài*”. Lý Khách khệnh khạng tới gần Dương Quý Phi nói, “ *Muốn có thơ hay, hãy qùy xuống bưng nghiên cho ta*”. Trong khi Quý Phi tuân hành, Lý Bạch vung bút viết luôn ba bài Thanh Bình Điệu, Lý Quy Niên phổ nhạc cho nhạc công và vũ nữ trình bày và ca múa được tất cả quần thần và giáo phường nức nở khen tuyệt.

Sách “ *Thái Chân ngoại truyện*” thì chép rằng “ *Trong thời Khai Nguyên, nhân lúc hoa thược được nở nhiều, Đường Minh Hoàng cùng Dương Quý Phi cho triệu một số quần thần tới Lê Viên để đàn hát thưởng hoa. Khi Lý Quy Niên định cất tiếng hát thì vua nói “ *Thưởng danh hoa trước**

*Phi tử thi dùng chi đến lời nhạc cũ này*". Sau đó sai Niên đi triệu Hàn Lâm Học sĩ Lý Bạch tới. Lý Bạch còn đang say, hạ bút viết luôn ba chương Thanh Bình Điệu, viết xong vẫn chưa tỉnh rượu.

### **Thanh bình điệu Bài I**

*Trần Trọng San dịch*

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung

Mặt tưởng là hoa, áo tưởng mây

Xuân phong phát hạm lộ hoa nung

Hiên sương phơ phất gió xuân bay

Nhược phi quần Ngọc sơn đầu kiến

Nếu không gặp gỡ trên Quần Ngọc

Hội hương Dao Đài nguyệt hạ phùng

Dưới nguyệt Dao Đài sẽ gặp ai

### **Bài II**

Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương

Một nhánh hồng tươi móc đọng hương

Vân vũ Vu Sơn uống đoạn trường

Mây mưa Vu Giáp uống sầu thương

Ta vấn Hán cung thùy đặc tự

Hỏi trong cung Hán ai người giống

Khả lân Phi Yến ỷ tân trang

Phi Yến còn nhờ mới điểm trang

### **Bài III**

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan

Hoa trời sắc nước cả hai vui

Trường đặc quân vương đới tiểu khan

Luôn được quân vương ngắm nghĩa cười

Giải thích xuân phong vô hạn hận

Mối hận gió xuân bay thoảng hết

Trầm hương đỉnh Bắc ỷ lan can

Bên đình nàng đứng tựa hiên chơi.

Chữ tài thường liền với chữ tai một vần. Một hoạn quan đã tâu với Huyền Tông là Lý Bạch trong thơ đã lấy chuyện lịch sử để chê bai nhà vua, còn Cao Lự Sĩ thì nói với Quý Phi là Lý Bạch đã lấy chuyện Triệu Phi Yến để ám chỉ phi, kết cuộc là nhà vua quyết định theo kế của Cao Lự Sĩ là "hoàn sơn" tức trả vàng về núi. Trong thời gian tại triều Lý Hàn lâm đã không có vây cánh lại còn tỏ ý khinh mạn hầu hết mọi người kể cả tể tướng Lâm Lý Phủ lẫn đấng quân vương mà được toàn thân xuất triều quy sơn như thế là may phước cho ông quá rồi. Ba năm trong triều của Lý Bạch đã chấm dứt như thế và ông lại tiếp tục tiểu ngạo giang hồ. Sau đó trong cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn khi thái tử Lý Hanh và hoàng tử Lý Lân được vua cha Đường Huyền Tông ủy thác đi hai miền Bắc và Nam để chiêu binh mãi mã chống giặc, Lý Bạch đã được Lý Lân khẩn khoản mời làm quân sư. Mặc dầu vợ ông tỏ ý khuyên ngăn nhưng ông vẫn ôm giấc mộng kinh bang tế thế nay cờ đã đến tay không thể không phát, nhưng chẳng may cho ông là thái tử Lý Hanh nghi ngờ Lý Lân tranh giành ngôi báu nên đem quân tới giết em, phần Lý Bạch đáng lẽ cũng bị tội chết may được đại tướng Quách Tử Nghi, xưa từng được Lý Bạch cứu mệnh, xin cho ông được tha tội chết nhưng bị đi đày Dạ Lang chừng một năm thì được đại xá nhân dịp vua Túc Tông lập thái tử năm 758. Ông mất năm 762, thọ 62 bên cạnh vợ con, để lại cho đời gần

một ngàn tác phẩm, nhưng dân chúng kháo nhau rằng Lý Trích Tiên chơi thuyền trên sông đã nhảy xuống nước ôm trăng và đi mất.

*Ngô Tất Tố* trước đó đã dịch **Thanh Bình Diệu** và được các nhà phê bình văn học khen là hay nên xin ghi lại dưới đây:

I Thoáng bóng mây, hoa nhớ bóng hồng

Gió xuân dịu dặt giọt sương trong

Ví chẳng non Ngọc không nhìn thấy

Dưới nguyệt Đài Dao thử ngóng trông

II Hương đông móm đượm một cảnh hồng

Non Giáp mây mưa những cực lòng

Ướm hỏi Hán cung ai dám đọ

Điểm tô Phi Yến mất bao công

III Sắc nước hương trời khéo sánh đôi

Quân vương nhìn ngắm những tươi cười

Sầu xuân man mác tan đầu gió

Cửa Bắc đình Trầm đứng lẻ loi

Đại thi hào thứ hai là **Đỗ Phủ** (712-770), người được đời tôn là *thi thánh* sánh với Lý Bạch là *thi tiên*. Đỗ Phủ toan lập thân bằng đường khoa cử song ông thi rớt tiến sĩ vì khoá này có tới ba ngàn sĩ tử mà chỉ lấy có 23 người. Tuy nhiên nhờ có tài học ông được tiến cử làm quan hai lần nhưng chỉ làm ít lâu ông xin từ chức vì chán cảnh vua tôi không chu toàn sứ mệnh và gia đình Dương Quý Phi sống xa hoa trong khi dân gian nghèo khổ và ông đã viết những cảnh tai nghe mắt thấy này trong bài thơ:

#### Lệ nhân hành

...Tú la y thường chiếu mộ xuân

Xúc kim khổng tước ngân kỳ lân

Đầu thượng hà sử hữu?

Thúy vi khạp diệp thủy mấn thần

Bối hậu hà sử kiến?

#### Bài hành người đẹp

*BS Nguyễn Huy Hùng dịch*

...Quần áo lụa thêu ánh cuối xuân

Kim tuyến thêu công với kỳ lân

Trên đầu cài chi vậy?

Tóc mây, kẹp thúy cặp dưới chân

Sau lưng thấy gì đó?



Châu áp yêu kiết ổn xứng thân	Ngọc đỉnh lưng quần xứng tấm thân
Tựu trung vân mạc tiêu phòng thân	Trong màn quốc thích với hoàng thân
Tú danh đại quốc Quắc dữ Tàn	Tước hiệu phu nhân nước Quắc, Tàn
Tử đà chi phong xuất thúy phụ	Nồi thúy: mức bấu lạc đà tím
Thủy tinh chi bàn hành tố lân	Cá trắng mâm pha lê dọn ăn
Tê trợ yếm úc cứu vị há	Đũa tê giác chán không buồn gắp
Loan đao lữ thiết không phân luân	Uổng công dao cắt để chia phần
Hoàng môn phi khổng bất động trần	Thái giám ngựa lướt không chấm chân
Ngự trù lạc dịch tổng bát trân	Tiếp nối dự trù dọn bát trân
Tiêu cổ ai ngâm cảm quý thần	Giọng thảm, sáo sênh động quý thần
Tân tung tạp đập thực yếu tân...	Khách tới ùn ùn toàn yếu nhân...

Sau khi có loạn An Lộc Sơn và triều đình phải bỏ chạy về đất Thục, vào một ngày tháng 3.757 Đỗ Phủ tức ông già Thiếu Lăng trong thơ tới khúc sông Khúc Giang thấy cảnh điêu tàn, hoang vắng của các cung điện bên sông thì chạnh lòng nghĩ tới cảnh cũ nhà vua cùng quý phi đi săn bắn trong Nam Uyển nên cảm khái làm bài thơ dưới đây:

#### **Ai giang đầu**

Thiếu Lăng đã lão thôn thanh khóc  
 Xuân nhật tiềm hành Khúc Giang khúc  
 Giang đầu cung điện tỏa thiên môn  
 Tế liễu tân bồ vị thụ lục  
 Ưc tích nghệ tinh hạ nam uyển  
 Uyển trung vạn vật sinh nhan sắc  
 Chiêu Dương điện lý đệ nhất nhân  
 Đồng liễn tùy quân thị quân trắc  
 Liễn tiền tài nhân đới cung tiển  
 Bạch mã tước niết hoàng kim lạc  
 Phiên thân hướng thiên ngưỡng xạ vân

#### **Buồn cho bến sông**

*BS Nguyễn Huy Hùng dịch:*

Thiếu Lăng đã lão nghẹn ngào khóc  
 Xuân đến lén thăm bến sông Khúc  
 Cung điện đầu sông vạn cửa gai  
 Bồ non liễu yếu vì ai lục  
 Cờ nghệ khi trước xuống Phù Dung  
 Trong vườn cảnh vật đua nhan sắc  
 Quý Phi đệ nhất cung Chiêu Dương  
 Xa giá hầu bên ơn mưa móc  
 Trước xe cung nữ đeo cung tên  
 Ngựa bạch nhàn vàng yên nạm ngọc  
 Nghiêng mình ngựa mặt bắn lên mây

Nhất tiến chính trụ song phi dực	Một mũi chim rơi tên trúng ức
Minh mâu hạo xỉ kim hà tại	Răng trắng mắt trong nay ở đâu?
Huyết ô du hồn quy bất đắc	Hồn bay lấm máu về không được
Thanh Vị đông lưu Kiếm Các thâm	Sông Vị về đông, Kiếm Các sâu
Khứ trú bỉ thử vô tiêu tức	Người đi kẻ ở không tin tức
Nhân sinh hữu tình lệ triêm ức	Người sống đa tình, lệ ướt ngực
Giang thủy giang hoa khởi chung cực	Nước chảy hoa trôi cứ tiếp tục
Hoàng hôn Hồ kỵ trần mẫn thành	Thành tối ngựa Hồ tung bụi đầy
Dục vãng thành Nam vọng thành Bắc.	Muốn đến thành Nam ngóng thành Bắc.

(Thành Bắc: nơi vua Túc Tông đang đóng quân để chống lại An Lộc Sơn.)

. Ông kết giao với Lý Bạch năm 744 khi ông 33 tuổi, thua Lý Bạch 11 tuổi và trở nên rất tương đắc mặc dầu Lý Bạch có khuynh hướng nghệ thuật vị nghệ thuật còn ông là nghệ thuật vị nhân sinh. Những bài miêu tả tình cảnh dân gian bị áp bức, *Thạch Hào Lại* hay cảnh đau thương trong chiến tranh, *Binh Xa Hành*, *Bắc Chinh* nêu rõ quan điểm của ông. Sau khi từ quan ông lập Thành Đô Thảo đường về sống cuộc đời một nông dân thuần túy cùng ngao du kiếm bạn thơ xứng họa. Năm 769 ông gặp lại danh ca Lý Quy Niên trên sông Tương, viết bài thơ nổi tiếng *Giang Nam phùng Lý Quy Niên*. Năm 770 trên đường đi lánh nạn loạn lạc cùng gia đình ông mất tại Lỗi Dương, Hồ Nam, thọ 59 tuổi.

**Bạch Cư Dị** ( 772-846) chào đời thì cả Lý Bạch lẫn Đỗ Phủ đều đã quy tiên và so với hai tiền bối này thì con đường công danh và hoạn lộ của ông tương đối thênh thang hơn. Ông đậu tiến sĩ năm 28 tuổi, đời Đường Đức Tông, rồi năm sau lại đậu khoa Bạt Tụy cùng với Nguyên Chấn và cùng làm việc tại Trường An. Hai người thường cùng nhau xứng họa, từ đó mà thành ra trong thời kỳ này 10 bài *Tần Trung Ngâm* và 50 bài *Tân Nhạc Phủ* của Bạch Cư Dị. Theo ông những bài này làm ra là vì vua tôi, vì sự vật chứ không phải vì văn mà làm. Năm 806, đời Đường Hiến Tông, câu chuyện Dương Quý Phi thảm tử được Lang Nha vương Chất Phu kể cho nghe, ông cảm khái viết ra bài **Trường Hận Ca**. Sau ông làm chức gián quan, tính tình cương trực nên làm mất lòng nhiều đồng liêu và phật ý quân vương nên năm 816 bị biếm làm tư mã tại Giang Châu thuộc huyện Cửu Giang, Giang tây và tại đây ông sáng tác hai tác phẩm nổi tiếng là **Dữ Nguyên Cửu Thư**, bức thư gửi Nguyên Cửu trình bày quan niệm về sáng tác mà theo ông thì “ *Làm văn chương phải thích hợp với thời đại, làm thi ca phải thích hợp với sự vật*”. Tác phẩm kia là bài trường thi **Tỳ Bà Hành**, làm năm 817, mượn câu chuyện người thương phụ bến Tầm Dương để tả nỗi cảm thương của mình nơi đất trích.. Ông được các vị quân vương kế tiếp nhau triệu về kinh làm việc nhưng sau một thời gian ông thường xin đổi ra các địa hạt khác trong nước tới năm 845, đời Đường Vũ Tông, ông về hưu với hàm Binh bộ Thương thư và về ẩn

đặt tại núi Hương Sơn, huyện Lạc Dương, Hà Nam tự xưng là Hương Sơn cư sĩ. Năm 846 ông tạ thế, thọ 76 tuổi, để lại 3840 tác phẩm hầu hết là thơ văn.

Hai ông Nguyên và Bạch chủ trương văn chương là lợi khí cải thiện dân sinh, cứu tế xã hội, bổ sát thời chính, hướng dẫn dân tình vì thế phải trọng tả thực: bút bỏ lá hoa trở về gốc rễ, chuộng chất phác bớt rườm rà, đề cao thành thật bỏ giả ngụy. Riêng Bạch Cư Dị chỉ quý trọng 10 bài Tần Trung Ngâm và 50 bài Tân Nhạc Phủ là những bài đã làm vì vua tôi, vì sự vật chứ không phải làm ra vì văn, còn những bài mà người đời yêu thích thì ông lại khinh. Ông than, “ *Người đời thích thơ tôi bất quá là các bài tạp luật và Trường hận ca mà tôi lại khinh. Còn như những bài thơ ý khích thiết, lời thực chất, hay tứ bình đạm, lời xa xôi nên người đời không thích*”.

Bài Trường Hận Ca thật sự rất nổi tiếng và được quảng bá sâu rộng trong khắp nước và dân gian đã đổ ra không biết bao nhiêu nước mắt sau khi đọc tới nổi một nhà thơ khác kiêm phê bình gia là Viên Mai, đời Thanh, có ý bất mãn nên viết bài tứ tuyệt như sau:

<b>Mã Ngôi Dịch</b>	<b>Trạm Mã Ngôi ( Bích Hải dịch)</b>
Mạc xướng đương niên Trường Hận Ca	Hát nữa làm chi Trường hận Ca
Nhân gian diệc tự hữu Ngân Hà	Nhân gian cũng vốn có Ngân Hà
Thạch Hào thôn lý phu thê biệt	Ở xóm Thạch Hào chồng biệt vợ
Lệ tử Trường Sinh điện thương đa	Hơn cả Trường Sinh điện lệ hoà

Sau đây là một số các bài thơ được các văn nhân lấy cảm hứng từ mối hận tình của nhà vua đa tình Đường Minh Hoàng và tu hoa mỹ nhân. Các đề tài được đề cập nhiều nhất là tử địa Mã Ngôi và cung Hoa Thanh với suối nước nóng Ôn Tuyền.

<b>Mã Ngôi dịch</b>	<b>Ôn Đình Quân</b>	<b>Trạm Mã Ngôi</b>	<b>Trần Trọng San dịch</b>
Mục Mãn tăng vi vật ngoại du		Mục Mãn từng chơi nơi vật ngoại	
Lục long kinh thử tạm yêm lưu		Sáu rồng qua đó tạm dừng lâu	
Phản hồn vô nghiệm thanh yên diệt		Khói xanh tan hết, hồn không nghiệm	
Mai huyết không sinh bích thảo sâu		Máu đọng riêng sinh cỏ biếc sâu	
Hương liễn khước quy Trường Lạc điện		Xe ngự đã về Trường Lạc điện	
Hiểu chung hoàn hạ Cảnh Dương lâu		Tiếng chuông vẫn vắng Cảnh Dương lâu	
Cam Tuyền bất phục trùng tương kiến		Chẳng còn gặp lại Cam Tuyền nữa	
Thùy đạo Văn Thành thị Cố Hầu?		Đâu biết Văn Thành hoá Cố Hầu?	
( <i>Mục Mãn là tên Chu Mục vương, Văn Thành chỉ tướng Trần Huyền Lễ, Cố Hầu chỉ Thiệu Bình có tước hầu nhưng cuối đời sống nghèo nàn</i> )			

**Mã Ngôi hoài cổ** của *Tào Tuyết Cần*,*đời Thanh, tác giả Hồng Lôu Mộng:*

Tịch mịch chỉ ngân tý hãn quang  
 Ôn nhu nhất đán phó đông dương  
 Chỉ nhàn di đặc phong lưu tại  
 Thử nhật y tâm thượng hữu hương

*Dịch: nhóm Vũ Bội Hoàng*

Phấn son lặng lẽ đắm mờ hôi  
 Thoắt giả thân kia xuống biển khơi  
 Vì dấu phong lưu còn sót lại  
 Áo quần khe ấy vẫn thơm hoài

*Lý Thương Ẩn, văn Đường viết về Mã Ngôi tới ba kỳ:***Mã Ngôi I**

Ký mã Yên tê động địa lai  
 Tự mai hồng phấn tự thành hôi  
 Quân vương nhược đạo năng khuynh quốc  
 Ngọc liễu hà do quá Mã Ngôi?

*Lê Quang Trường dịch*

Ngựa Ký sừng Yên động đất trời  
 Tự vui nhan sắc tự chơi vơi  
 Quân vương nếu biết điều khuynh quốc  
 Ngọc liễu có gì đến Mã Ngôi?

**Mã Ngôi II**

Hải ngoại đồ văn cánh cửu châu  
 Tha sinh vị bực thử sinh hươu  
 Không văn hổ lữ truyền tiêu thác  
 Vô phục kê nhân báo hiếu trừ  
 Thử nhật lục quân tề trú mã  
 Đương thời thất tịch tiểu Khiên Ngưu  
 Như hà tứ kỷ vi thiên tử  
 Bất cập Lư gia hữu Mạc Sầu

*Trần Trọng San dịch*

Ngoài biển nghe đồn lại chín châu  
 Kiếp này là hết, biết đâu sau  
 Mỏ đêm hổ trưởng nay đang vắng  
 Thẻ sáng kê nhân chẳng thấy nào  
 Buổi ấy sáu quân đều buộc ngựa  
 Bấy giờ thất tịch ngạo Khiên Ngưu  
 Bốn mươi năm lẻ làm thiên tử  
 Mà kém chàng Lư có Mạc Sầu

(Mạc sầu, một thôn nữ xinh đẹp mong ước thành dòng nước chảy ra Trường Giang là nơi chôn họ Lư đóng đồn, kê nhân là một chức quan phụ trách việc dùng gà tế lễ để cảnh giác trăm quan)

Trong bài thơ thất ngôn bát cú **Ôn Tuyền**, *Ngụy Khởi* đời Nguyên viết có bốn câu luận kết như sau:

...Sơn liên Thái Bạch không đa tuyết  
 Trì đảo Hoa Thanh biệt hữu xuân  
 Mạc hướng thủ trung đàm vãng sự

...Núi liên Thái Bạch một trời tuyết  
 Hồ sát Hoa Thanh một vẻ xuân  
 Đừng tới nơi đây bàn chuyện cũ

Phù dung, dương liễu diệp thương thần      Phù dung, dương liễu cũng cảm thương

*Đỗ Mục*, thời Văn Đường, tác giả *Bạc Tàn Hoài* và *Xích Bích hoài cổ*, viết tới bốn bài về cung Hoa Thanh, **bài I** tả truyện Quý Phi sai kỵ mã đi xa ngàn dặm mua vải tươi về cho nàng ăn đã chép ở trên :

**Quá Hoa Thanh Cung II**

Tân Phong lục thụ khởi hoàng ai

Sổ kỵ Ngự Dương thám sứ hồi

Nghê thường nhất khúc thiên phong thượng Một khúc Nghê thường vang đỉnh núi

Vũ phá trung nguyên thủy há lai

**Qua Cung Hoa Thanh Trương Việt Linh dịch:**

Tân Phong cây biếc bụi vàng chen

Ngựa thám Ngự Dương hỏa tốc truyền

Múa tàn giặc đã chiếm trung nguyên

( Theo Đường Thư, Nghê Thường Vũ Y Khúc xuất xứ từ Tây Lương, được Tiết độ sứ Hà Tây lấy đem dâng cho Đường Minh Hoàng, nhà vua sửa lại lời ca và đặt tên là Nghê Thường).

**Quá Hoa Thanh Cung III**

Vạn quốc sinh ca túy thái bình

Ý thiên lâu điện nguyệt phân minh

Vân trung loạn phách Lộc Sơn vũ

Phong quá trùng loan hạ tiêu thanh

*Tương Như dịch*

Khắp nước vui say cảnh thái bình

Điện lâu cao vút trăng lung linh

Trong mây loạn múa Lộc Sơn vũ

Gió thổi ngàn non tiếng cười tình

**Quá Hoa Thanh Cung IV**

Linh diệp phiên hồng vạn thụ sương

Ngọc Liên khai nhị noãn tuyền hương

Hành vân bất hạ Triều Nguyên Các

Nhất khúc Lâm Linh lệ sổ hàng

*Tạm dịch:*

Lá uá ngả hồng, cây đẫm sương

Hoa sen nở ngụy, suối nồng hương

Mây trôi không tỏa triều Nguyên Các

Một khúc Lâm Linh lệ nhỏ hàng

(Nhà vua mỗi khi nghe tiếng chuông trong mưa lại nhớ người xưa nên viết khúc này.)

*Lý Ước*, trung Đường cũng viết:

**Quá Hoa Thanh Cung**

Quân vương du lạc vạn cơ khinh

Nhất khúc Nghê Thường tứ hải binh

Ngọc liễn thăng thiên nhân dĩ tận

Cố cung do hữu thụ trường sinh

*Nguyễn Minh dịch:*

Vua ham hưởng lạc, sự coi khinh

Xem khúc Nghê Thường lúc chiến chinh

Xe ngọc cùng người lên thượng giới

Cung xưa cổ thụ mãi tươi xanh

## Trường hận ca trong làng thơ Việt Nam

Trích dịch một số các bài thơ Đường lấy cảm hứng từ mối hận tình của Đường Huyền Tông như trên kể cũng là quá đủ để ta hiểu chút ít cảm nghĩ của người xưa bên Trung quốc, nhất là qua bài Trường Hận Ca của Bạch Cư Dị. Bài này được phổ biến rộng rãi ra ngoài biên giới, trong đó tất nhiên có Việt Nam vốn chịu ảnh hưởng rất nhiều của văn hoá nước láng giềng.

Nhưng nếu ta đọc *Thi Nhân Việt Nam* của *Hoài Thanh* và *Hoài Chân* thì ảnh hưởng của mối hận tình trên lại rất là ít, chỉ được nhắc phảng phất trong vài ba bài. Có thể vì mối tình đó quá xa vời, xa vời cả trong thời gian lẫn không gian chưa kể còn xa vời trong nhân gian nữa về địa vị, về nếp sống của các nhân vật trong truyện vv...

*Xuân Diệu*, một nhà thơ cực kỳ lãng mạn cũng chỉ nhắc sơ sơ trong vài bài thơ của ông. Trong bài **Nhị Hồ**, sau khi tiếng đàn dẫn ông đi tới các cung A Phòng, Cô Tô, nhớ lại các điển xưa tích cũ như Mạnh Lệ Quân, nàng Lộng Ngọc lấy Tiêu Lang, Trần Hậu Chúa ngấm trăng nghe khúc Hậu Đình Hoa, rồi các mỹ nhân Bao Tự, Ly Cơ ông chấm dứt bằng hai câu:

*...Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng*

*Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi.*

Xuân Diệu cũng nhắc tới lời thề nguyện của vua Đường và Dương Quý Phi đêm trừ tịch 7 tháng 7 là đêm Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau trong bài **Mơ Xưa**:

*...Gió mây đến ở trong trường tình tự*

*Trăng vàng xinh không bỏ giữa đêm khuya*

*Có kẻ nhìn húng lấy giọt pha lê*

*Và phong cảnh đắm say mơ diễm lệ*

*Cho đến nổi sen còn chung một đế*

*Chim so bay, cây cũn chấp liền cành*

*Bức thư tình choàng ấp đêm năm canh*

*Ngày sáu khắc tưởng mơ vàng đá nặng*

*Thương là vậy, ai phụ thề cho nặng?*

*Hễ xa nhau thôi thương nhớ võ vàng!*

*Gió liễu chiều còn nhớ kẻ dương quan*

*Đưa nước mắt hàng dương sang một phía...*

*...Mỗi khi thu đưa gió vàng lững lự*

*Có buồn chăng, lòng bạn ở đâu xưa?*

Xuân Diệu không nói hận mà lòng chỉ bịn bịn về chuyện xưa ở đâu đâu.

*Đoàn Phú Tứ*, một nhà thơ khác nhắc lại chuyện Dương Quý Phi cắt tóc dâng cho Đường Minh Hoàng trong bài thơ ngắn **Màu Thời Gian**:

*...Tóc mây một món, chiếc dao vàng*

*Ngàn trùng e lệ, phụng quân vương...*

*...Duyên trần năm đứt đoạn*

*Tình một thưở còn vương...*

Trong truyện Kiều, *Nguyễn Du* cũng tả cảnh Thúy Kiều khi sang phòng Kim Trọng đã cắt tóc thề nguyện:

*...Tiên thề cùng thảo một chương*

*Tóc mây một món dao vàng chia đôi*

*Vùng trăng vắng vặc giữa trời*

*Đình ninh hai miệng một lời song song*

*Tóc tơ căn vặn tấc lòng*

*Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương...*

*Nguyễn Du* cũng mượn hình ảnh của “tu hoa mỹ nhân” để miêu tả sắc đẹp của Thúy Kiều:

*...Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài, sắc lại là phần hơn*

*Làn thu thủy, nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh...*

*Nguyễn Du*, ngoài ra còn mượn thơ để tỏ sự bất bình đối với quan quân của Đường Huyền Tôn cứ khăng khăng đổ tội cho Dương Quý Phi là nguyên nhân của cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn khiến triều đình phải bỏ kinh đô Trường An tháo chạy rồi lấy cớ đó đòi xử tử một người phụ nữ tay trái gà không nổi, đó là bài “**Dương Phi cố lý**”, bản dịch của *Bùi Kỷ* cùng *Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh*:

Sơn vân tước lược ngạn hoa minh

Mây rừng hoa bến cảnh xinh xinh

Kiến thuyết Dương Phi thử địa sinh	Nghe nói Dương Phi đất ấy sinh
Tự thị cử triều không lập trượng	Trách kẻ đầy triều đồ đứng phỗng
Uống giao thiên cổ tội khuynh thành	Oan ai nghìn thưở tội khuynh thành
Tiêu tiêu Nam Nội bồng cao biển	Cỏ cây Nam Nội đà man mác
Mịch mịch Tây Giao khâu lũng bình	Gò đồng Tây Giao cũng vắng tanh
Lang tạ tàn hồng vô mịch xứ	Tìm mảnh hoa tàn đâu thấy nữa
Đông phong thành hạ bất thẳng tình	Dưới thành gió thoảng xiết bao tình.

Giáo sư BS Trần Ngọc Ninh có bài viết khá dài nhan đề “ **Vị trí và ý nghĩa của bài thơ Dương Phi cố lý của Nguyễn Du**”, mới đăng trên báo Hồn Việt số ngày 4.3.2016 và còn đăng tiếp trong đó có nêu lý do tại sao Nguyễn Du không hề đi qua Thiểm tây, quê hương của Dương Quý Phi mà lại viết bài thơ này.

*Nguyễn Trãi* thường được chúng ta biết đến là một nhà quân sự xuất chúng, một nhà văn lỗi lạc với bản “ Bình Ngô đại cáo”, một nhà thơ đa dạng với “ Quốc âm thi tập” và “ Ưc Trai thi tập” nhưng ít ai biết Nguyễn Trãi còn được nhiều nhà phê bình văn học coi là nhà thơ tình đầu tiên ở nước ta, tuy nhiên trong phạm vi bài này liên quan tới mối tình hận của Đường Minh Hoàng xin chỉ trích ra đây hai bài thơ:

#### Hoa mai

Giữa mùa đông, lổi thời xuân  
 Nam chi nở, cực thanh tân  
 Trên cây nhạc ngữ hồn Cô Dịch  
 Đáy nước ngữ là mặt Thái Chân...

#### Hoa trường yên

Ấy chẳng Tây Thi thì Thái Chân  
 Trời cho tốt lạ mười phân  
 Ngày chày điểm đã phong quần đỏ  
 Rõ tư mùa một thức xuân...

Đúng là “ *vân tượng y thường hoa tượng dung*” như Lý Bạch viết trong Thanh bình điệu ,nên khi ngắm hoa Nguyễn Trãi liên tưởng tới dung nhan Thái Chân hoặc Tây Thi.

#### CÁC BÀI THƠ DỊCH “ TRƯỜNG HẬN CA”

Số thi nhân lấy cảm hứng từ mối tình hận của Đường Minh Hoàng tương đối rất ít so với số người dịch các bài thơ liên hệ. Riêng bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị cũng có trên 10 dịch giả. Người dịch đầu tiên có lẽ là *Tản Đà* mà thơ dịch đã được đăng trên *Tiểu thuyết Thứ Bảy* trong hai số tháng 12.1934 và 1.1935, sau đó là *NGYM* cũng đăng trên *TTTB* số tháng 5.1949. Tiếp theo lần lượt xuất hiện các bài thơ dịch của Trần Trọng San, Chi Điền Hoàng Duy Từ và gần đây Trường Xuân Phạm Liễu, Yã Hạc Trịnh Nguyên, BS Nguyễn Văn Bảo, TS Nguyễn Hữu Vinh chưa kể trên mạng cũng có thêm trên cả chục tác giả khác nữa.

Về thể thơ :



Viết theo thể song thất lục bát chiếm đa số gồm Tản Đà, NGYM, Hoàng Duy Từ, Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ, Nguyễn Văn Bảo, Nguyễn Hữu Vinh, Trần Nhất Lang, Nguyễn Mỹ Tài, Lại Quang Nam

Viết theo thể lục bát gồm Mai Lang, Thanh Vân Vũ Bằng Đình, Ngô Linh Ngọc

Viết theo lối thơ mới tám chữ chỉ có Trường Xuân Phạm Liễu

Viết theo thể thất ngôn như nguyên tác gồm Trần Ngọc San, Yã Hạc Trịnh Nguyên, Nguyễn Phước Hậu tuy nhiên các dịch giả này không theo đúng các vần bằng hay trắc của bài thơ mà đổi theo thi luật có lẽ vì nghe như vậy đã quen và thấy êm tai hơn.

Bản dịch của Tản Đà tới nay vẫn thường được phổ biến nhiều nhất có lẽ vì là bản đầu tiên cũng như bản dịch Tỳ Bà Hành của Phan Huy Thực. Theo Trần Trọng San, *Tản Đà thấy bản dịch của Phan Huy Thực là tuyệt hay nên không dịch bài này nhưng ông đã thành công khi dịch Trường Hận Ca.*

Trong cuốn “ *Giảng luận về Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu* “ của Nxb Văn Học 2001, có trích đoạn Bùi Giáng viết, “ *Tản Đà đã góp phần sáng tạo, đúng hơn là ông đã tái tạo thi phẩm của Bạch Cư Dị cho hồn nhạc Việt lên tiếng dậy dàng. Các bạn sẽ có nhiều dịp đối chiếu nguyên tác với dịch phẩm để có một quan niệm chính xác về hồn thơ của hai thi hào hai xứ, biểu chứng hai thời kỳ văn chương toàn thịnh của Việt Nam và Trung quốc nối liền bằng 11 thế kỷ thâm giao. Tôi tin rằng Trường hận ca của Tản Đà là đỉnh cao nhất của nền thi ca tiền bán thế kỷ XX*”.

Trong một bài viết khác, Bùi Giáng tiếp, “ *Nếu tiên sinh còn sống ắt tại hạ xin được phép cùng tiên sinh nhậu nhệ một trận lu bù. Thơ của tiên sinh làm chẳng có chi xuất sắc nhưng bản dịch Trường hận ca của tiên sinh quả thật là vô tiền khoáng hậu*”.

Theo lời khuyên của Bùi Giáng, chúng ta thử đối chiếu nguyên tác với bản dịch của Tản Đà để học hỏi thêm.

	Nguyên tác	Bản dịch
<u>Thể thơ</u>	Thất ngôn cổ phong	Song thất lục bát
<u>Số câu và chữ</u>	88 câu x 7 chữ=616	132 câu x7 chữ = 924
	Bài thơ kéo dài có thể làm hơi thơ hơi đuối và có vẻ rườm rà	

Từ không thông dụng:

	Xuân tiêu khổ đoán nhật cao khởi	Đêm xuân vẫn vủ có ngàn
<u>Gieo vần</u>	Nhiều người cho là Tản Đà ép vận hơi quá cho nên thành ra gượng gạo, giảm bớt chất thơ chẳng hạn:	
	Ngự vũ đa niên cầu bất đắc	Trải bao năm tìm chuốc công toại

Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành Nhà Dương có gái mới choai...

Chi Điền Hoàng Duy Từ nói, “ *Sơ trưởng thành* mà dịch là *gái mới choai* thì sát nghĩa thật nhưng ít nên thơ. Ông khen Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ dịch là *Dương gia có gái thuyền quyen* thì ai cũng nghĩ là gái trẻ, đẹp, mười tám hay đôi mươi, nét na, đức hạnh và lời thơ dịch đẹp hơn nguyên tác).

Và:

Hậu cung giai lệ tam thiên nhân	Ba nghìn xinh đẹp chị em
Tam thiên sủng ái tại nhất thân	Ba nghìn yêu quý chất nôm một mình...

Đang cảnh chạy giặc hỗn loạn:

Thiên thặng vạn kỵ tây nam hành	Nghìn xe muôn ngựa chơi vùng tây nam
---------------------------------	--------------------------------------

Khi sáu quân phản kháng:

Lục quân bất phát vô nại hà?	Sáu quân rùng rảng, làm rầy
------------------------------	-----------------------------

Bụi tung mịt mù trên đường chạy loạn:

Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác	Gió tung bụi mê man tản mác
---------------------------------	-----------------------------

Khi Thái Chân đưa tặng vật cũ để tỏ thâm tình:

Duy tương cựu vật biểu thâm tình	Lấy chi tỏ tình xưa thâm thú
----------------------------------	------------------------------

Tất nhiên đây chỉ là những khiếm khuyết li ti so với toàn thể, bài thơ dịch vẫn là một viên ngọc đẹp rực rỡ dù có chút ít tì vết. Tuy nhiên trong mấy chục năm gần đây, ngôn ngữ Việt Nam cũng thay đổi khá nhiều cho nên phần tôi vẫn thấy thoải mái khi đọc những bài thơ dịch mới hơn, xin nhắc lại thấy thoải mái chứ không phải là thấy hay hơn, vì ngôn ngữ trong thơ là ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày của mình, chẳng hạn như các bài thơ dịch của Hoàng Duy Từ, Nguyễn Văn Bảo, Trần Hữu Vinh.

## NGOẠI ĐỀ

Bây giờ xin nói chuyện ngoài đề. Nguyên là tôi có dịp Hoa du thưở Trung quốc mới đẹp xong loạn Tứ Nhân Bang và tới Trường An – giờ gọi là Tây An – có đi qua Mã Ngôi, khi đó chỉ là một cái gò và dưới chân gò là mộ Dương Quý Phi giống hệt như Nguyễn Du tả mả Đạm Tiên, “ *Sè sè nắm đất bên đường/ Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh*”, chưa tu sửa để thành một trung tâm du lịch như bây giờ. Tôi cũng leo lên núi Ly Sơn, tới tắm suối Ôn Tuyền thật quả như tên gọi, nước nóng trên 40C, khói bay nghi ngút. Tôi cũng cảm khái viết ra ít bài thơ tứ tuyệt và dưới đây chỉ là mấy bài liên quan tới mối tình hận kể trên:

### Suối Ôn Tuyền

Hì hà...hì hục...trèo lên  
 Đồi cao, dốc thẳm chênh vênh ngắt trời  
 Ôn Tuyền nghi ngút khói bay  
 Nhớ đèo Ba Dội, suối ai nhiệt tình.

### **Đường Minh Hoàng**

Quý phi, vương nguyệt chim liền cánh  
 Gió loạn, cây nghiêng vội chặt cành  
 Nếu biết Anh hoàng sau thoái vị  
 Hẳn theo người ngọc bỏ ngai vàng.

### **Dương Quý Phi**

Nào đâu mặt ngọc với mình vàng?  
 Trơ Mã Ngôi còn nắm mộ hoang!  
 Trường hận nào riêng Bạch Cư Dị?  
 Nguyễn Du thương cảm cũng đoạn trường!

### **Độc Bạch Cư Dị**

Thơ ông làm nhỏ bao hàng lệ  
 Dù chuyện đời nay chẳng kém buồn  
 Ai dư nước mắt thương người trước  
 Xin để một hàng cho nước non...

*Hoàng Xuân Thảo*

*Toronto, đầu xuân Bính Thân 2016*